TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN HÒN ĐẤT** **TỈNH KIÊN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 42/2024/HNGĐ-ST.
Ngày: 15/4/2024
Về việc: *"Xin ly hôn, nuôi con chung và cấp dưỡng nuôi con chung"*.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÒN ĐẤT - TỈNH KIÊN GIANG

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông **Đặng Thanh Sang**

Các Hội thẩm nhân dân: Bà **Nguyễn Thị Kim Hoa**

Bà **Hà Thị Kim Thu**

Thư ký phiên toà: Bà **Nguyễn Ngọc Diệp** - Thư ký TAND huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hòn đất tham phiên tòa: Bà **Trần Phương Thúy** – Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 4 năm 2024 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang xét xử công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 105/2024/TLST- HNGĐ ngày 14 tháng 3 năm 2024 về việc: "*Xin ly hôn, nuôi con chung và cấp dưỡng nuôi con*". Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 43/2024/QĐST - HNGĐ, ngày 28 tháng 3 năm 2024 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị **Thị T**, sinh năm 1988 (Có đơn xin xét xử vắng mặt).

Địa chỉ: tổ 7, ấp V, xã B, huyện H, tỉnh K.

Bị đơn: Anh **Ngô Văn L**, sinh năm 1983 (Có đơn xin xét xử vắng mặt).

Địa chỉ: tổ 7, ấp V, xã B, huyện H, tỉnh K.

NỘI DUNG VỤ ÁN

** Theo đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Thị T trình bày như sau:*

- Về hôn nhân: Chị Thị T và anh Ngô Văn L tự tìm hiểu yêu thương nhau, sau đó được hai bên gia đình đồng ý tổ chức đám cưới theo phong tục truyền thống, có

đăng ký kết hôn và được UBND xã Bình Sơn cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 28/11/2014. Thời gian đầu, vợ chồng sống rất hạnh phúc, nhưng đến đầu năm 2023 thì xảy ra mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cự cãi nên anh chị đã sống ly thân được hơn một nam nay. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng đã mâu thuẫn trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, không thể hàn gắn được. Do đó, chị Thị T yêu cầu được ly hôn với anh Ngô Văn L.

- Về con chung: Chị Thị T và anh Ngô Văn L có 02 người con chung tên Ngô Thị H, sinh ngày 19/5/2009 và Ngô Văn L, sinh ngày 19/6/2012 hiện đang ở với anh L. Sau khi ly hôn chị Thị T đồng ý giao hai con chung cho anh L nuôi dưỡng và chị đồng ý cấp dưỡng nuôi hai con chung mỗi tháng 2.000.000 đồng, cấp dưỡng cho đến khi các con chung đủ 18 tuổi.

- Về tài sản chung: Chị Thị T và anh Ngô Văn L không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết;

- Về nợ chung: Chị Thị T và anh Ngô Văn L không có nợ ai và cũng không cho ai vay nợ nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Trong quá trình giải quyết vụ án anh Ngô Văn L trình bày như sau*:

- Về hôn nhân: Anh Ngô Văn L và chị Thị T và tự tìm hiểu yêu thương nhau, có đăng ký kết hôn và được UBND xã Bình Sơn cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 28/11/2014. Thời gian đầu, vợ chồng sống rất hạnh phúc, nhưng thời gian sau thì xảy ra mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cự cãi nên đến tháng 3/2023 do mâu thuẫn nên anh L và chị T đã ly thân cho đến nay. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng đã mâu thuẫn trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, không thể hàn gắn được. Do đó, chị Thị T yêu cầu được ly hôn với anh Ngô Văn L thì anh L đồng ý ly hôn.

- Về con chung: Anh Ngô Văn L và chị Thị T có 02 người con chung tên Ngô Thị H, sinh ngày 19/5/2009 và Ngô Văn L, sinh ngày 19/6/2012 hiện đang ở với anh L. Sau khi ly hôn anh L yêu cầu được nuôi dưỡng hai con chung và yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi hai con chung mỗi tháng 2.000.000 đồng, cấp dưỡng cho đến khi các con chung đủ 18 tuổi.

- Về tài sản chung: Anh Ngô Văn L và chị Thị T không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết;

- Về nợ chung: Anh Ngô Văn L và chị Thị T không có nợ ai và cũng không cho ai vay nợ nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang có ý kiến phát biểu:*

Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử sơ thẩm và của các đương sự trong quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý đến khi đưa vụ án ra xét xử là đúng quy định pháp luật tố tụng dân sự.

Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 đề nghị cho Thị T được ly hôn anh Ngô Văn L.

Về con chung: Giao cho anh Ngô Văn L được trực tiếp nuôi dưỡng 02 người con chung tên Ngô Thị H, sinh ngày 19/5/2009 và Ngô Văn L, sinh ngày 19/6/2012 cho đến khi các con chung đủ 18 tuổi.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng: Chị Thị T phải cấp dưỡng nuôi con hai người con chung tên Ngô Thị H, sinh ngày 19/5/2009 và Ngô Văn L, sinh ngày 19/6/2012 mỗi tháng 2.000.000 đồng/02 người, cấp dưỡng cho đến khi các con chung đủ 18 tuổi.

Về tài sản và nợ chung: Chị Thị T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên đề nghị không xét.

Về án phí: Chị Thị T phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và đã được thẩm tra tại phiên Tòa, căn cứ kết quả tranh luận tại phiên toà Hội đồng xét xử nhận định vụ án này như sau:

[1] Về thẩm quyền: Theo nội dung đơn xin ly hôn của chị Thị T thì đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình, bị đơn trong vụ án có nơi cư trú tại ấp Vàm Rầy, xã Bình Sơn, huyện Hòn Đất nên quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự 2015 vụ án thuộc thẩm giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Hòn Đất.

[2] Về thủ tục tố tụng: Chị Thị T và anh Ngô Văn L có đơn xin xét xử vắng mặt. Do đó Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đương sự theo quy định tại các Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về nội dung vụ án*:*

[3.1].Về hôn nhân: Chị Thị T và anh Ngô Văn L là vợ chồng hợp pháp do có đăng ký kết hôn và được UBND xã Bình Sơn, huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 28/11/2024. Điều đó phù hợp với Giấy chứng nhận kết hôn của chị T và anh L mà chị T đã giao nộp tại hồ sơ vụ án. Nên Hội đồng xét xử xác định quan hệ hôn nhân của anh chị là hợp pháp.

Quá trình chung sống giữa chị Thị T và anh Ngô Văn L phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, thường xuyên cãi nhau. Đến tháng 3/2023 anh chị sống ly thân cho đến nay, mỗi người có cuộc sống riêng và cũng không còn liên hệ, gặp gỡ hay hàn gắn tình cảm vợ chồng. Điều này đã được chị T và anh L thừa nhận. Nay chị T yêu cầu ly hôn thì anh L cũng đồng ý, không có nguyện vọng hàn gắn tình cảm vợ chồng. Vì vậy, căn cứ Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình xét thấy hôn nhân giữa chị T và anh L đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Thị T.

[3.2] Về con chung: Chị Thị T và anh Ngô Văn L có 02 người con chung tên Ngô Thị H, sinh ngày 19/5/2009 và Ngô Văn L, sinh ngày 19/6/2012 hiện đang ở với anh L. Anh L có yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con đến tuổi trưởng thành. Hội đồng xét xử thấy rằng cháu H và cháu L từ trước đến nay đều sống với anh L, do anh L chăm sóc, nuôi dưỡng, đồng thời theo bản tự khai ngày 26/3/2024 cháu H và cháu L đều có nguyện vọng được sống với cha (anh L) khi cha mẹ ly hôn và chị T cũng đồng ý với yêu cầu này của anh L nên Hội đồng xét xử giao cháu Ngô Thị H, sinh ngày 19/5/2009 và Ngô Văn L, sinh ngày 19/6/2012 cho anh L trực tiếp nuôi dưỡng đến khi các con chung đủ 18 tuổi.

[3.3] Về cấp dưỡng nuôi con: Anh Ngô Văn L yêu cầu chị Thị T cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 2.000.000 đồng/2 người con, cấp dưỡng cho đến khi các con chung đủ 18 tuổi. Trong quá trình giải quyết vụ án chị Thị T cũng đồng ý với yêu cầu này. Xét thấy, đây là sự tự nguyện của các đương sự và phù hợp với quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3.4] Về tài sản chung: Chị Thị T và anh Ngô Văn L không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xét.

[3.5] Về nợ chung: Chị Thị T và anh Ngô Văn L không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xét.

[3.6] Về án phí hôn nhân và gia đình: Chị Thị T phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ:

- Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147, Điều 271, Điều 277, Điều 278 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56; Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

*** <u>Tuyên Xử</u>:**

1. *Về hôn nhân:* Chấp nhận cho chị Thị T ly hôn với anh Ngô Văn L.

2. Về con chung: Giao cho anh Ngô Văn L được trực tiếp nuôi dưỡng 02 người con chung tên Ngô Thị H, sinh ngày 19/5/2009 và Ngô Văn L, sinh ngày 19/6/2012 cho đến khi các con chung đủ 18 tuổi.

Đối với nghĩa vụ cấp dưỡng: Chị Thị T phải cấp dưỡng nuôi con hai người con chung tên Ngô Thị H, sinh ngày 19/5/2009 và Ngô Văn L, sinh ngày 19/6/2012 mỗi tháng 2.000.000 đồng/02 người, cấp dưỡng cho đến khi các con chung đủ 18 tuổi. Thời điểm cấp dưỡng nuôi con tính từ ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 15/4/2024) cho đến khi các con chung đủ 18 tuổi.

Chị Thị T có quyền được thăm nom, chăm sóc con chung không ai được quyền ngăn cản theo quy định của pháp luật.

3. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Chị Thị T phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng và án phí cấp dưỡng nuôi con là 150.000 đồng. Đối trừ số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số 0007083 ngày 11/3/2024 Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang. Theo đó chị Thị T phải nộp thêm số tiền 150.000 đồng (một trăm năm mươi ngàn đồng).

4. Quyền kháng cáo: Báo cho nguyên đơn, bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- TA tỉnh Kiên Giang;
- VKS nhân dân huyện Hòn Đất;
- UBND xã Bình Sơn;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Đặng Thanh Sang